

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày tháng năm

ĐIỂM THI

BÀI 5 (B-I): LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

LỚP TCLLCT HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 1, TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP

STT	Họ và tên	Số BD	Điểm	Bằng chữ	Ghi chú
1	Dương Hòa An	1	7,5	Bảy rưỡi	
2	Trương Tuấn Anh	2	8,0	Tám	
3	Trần Thị Vân Anh	3	7,0	Bảy	
4	Ngô Thị Hồng Ánh	4	-	-	Bảo lưu
5	Đặng Huy Bình	5	8,0	Tám	
6	Đỗ Duy Cốp	6	7,5	Bảy rưỡi	
7	Nguyễn Mạnh Cường	7	7,0	Bảy	
8	Phạm Thanh Cường	8	7,0	Bảy	
9	Lương Việt Dũng	9	7,5	Bảy rưỡi	
10	Dương Trọng Đại	10	7,0	Bảy	
11	Hoàng Tiến Đạt	11	7,0	Bảy	
12	Trần Anh Đức	12	7,0	Bảy	
13	Nguyễn Tiến Đức	13	7,5	Bảy rưỡi	
14	Trương Minh Đức	14	7,0	Bảy	
15	Ngô Minh Đức	15	7,5	Bảy rưỡi	
16	Nguyễn Thị Thanh Hà	16	7,5	Bảy rưỡi	
17	Nguyễn Đỗ Hà	17	8,0	Tám	
18	Lê Thị Thu Hà	18	7,0	Bảy	
19	Đoàn Thanh Hải	19	7,5	Bảy rưỡi	
20	Nguyễn Hữu Hạnh	20	7,0	Bảy	
21	Phạm Thị Thu Hằng	21	7,5	Bảy rưỡi	
22	Nguyễn Thị Thu Hằng	22	8,0	Tám	
23	Nguyễn Thị Thúy Hiên	23	7,5	Bảy rưỡi	
24	Đặng Văn Hiếu	24	7,0	Bảy	



STT	Họ và tên	Số BD	Điểm	Bằng chữ	Ghi chú
25	Hoàng Hữu Hiệu	25	8,0	Tám	
26	Lại Thị Thanh Hoa	26	7,5	Bảy rưỡi	
27	Phạm Đức Hoàng	27	7,0	Bảy	
28	Vi Thị Mai Hương	28	7,5	Bảy rưỡi	
29	Trương Thị Thu Hương	29	7,5	Bảy rưỡi	
30	Nguyễn Thị Mai Hương	30	7,0	Bảy	
31	Nguyễn Thị Hương	31	7,0	Bảy	
32	Trần Thị Hương	32	7,5	Bảy rưỡi	
33	Trương Đức Huy	33	7,0	Bảy	
34	Nguyễn Phương Huy	34	7,0	Bảy	
35	Nguyễn Thị Kim Huyền	35	8,0	Tám	
36	Trần Thị Huyền	36	8,0	Tám	
37	Trần Thị Thu Huyền	37	7,5	Bảy rưỡi	
38	Phạm Duy Khánh	38	7,5	Bảy rưỡi	
39	Hoàng Trung Kiên	39	8,0	Tám	
40	Đinh Xuân Lâm	40	7,0	Bảy	
41	Đồng Thị Linh	41	7,5	Bảy rưỡi	
42	Bùi Thị Hải Linh	42	7,0	Bảy	
43	Nguyễn Tuấn Linh	43	7,0	Bảy	
44	Lê Duy Minh	44	-	-	Vắng thi
45	Bạch Văn Nam	45	7,0	Bảy	
46	Nguyễn Thị Thanh Nga (1981)	46	7,5	Bảy rưỡi	
47	Nguyễn Thị Thanh Nga	47	7,0	Bảy	
48	Đinh Văn Nghiệp	48	7,0	Bảy	
49	Nguyễn Đình Ngọc	49	7,5	Bảy rưỡi	
50	Nguyễn Thị Hồng Nhung	50	7,5	Bảy rưỡi	
51	Lê Thị Đỗ Oanh	51	7,0	Bảy	
52	Hoàng Lê Phương	52	7,5	Bảy rưỡi	
53	Nguyễn Hồng Quang	53	7,0	Bảy	
54	Nguyễn Thị Thanh Quỳnh	54	8,0	Tám	
55	Đỗ Thị Tám	55	7,5	Bảy rưỡi	

SẢN L
ÔNG
H TR
AI NG

✓

STT	Họ và tên	Số BD	Điểm	Bằng chữ	Ghi chú
56	Hoàng Anh Tấn	56	7,0	Bảy	
57	Nguyễn Mạnh Thắng	57	7,5	Bảy rưỡi	
58	Ngô Phương Thanh	58	7,0	Bảy	
59	Bùi Thế Thành	59	7,0	Bảy	
60	Nguyễn Trung Thành	60	-	-	Vắng thi
61	Nguyễn Thị Phương Thảo	61	7,0	Bảy	
62	Phạm Văn Thiêm	62	7,0	Bảy	
63	Nguyễn Quang Thọ	63	7,5	Bảy rưỡi	
64	Tạ Thị Phương Thúy	64	7,5	Bảy rưỡi	
65	Lê Thị Thu Thủy	65	7,0	Bảy	
66	Nguyễn Trọng Toàn	66	7,5	Bảy rưỡi	
67	Lê Thị Quỳnh Trang	67	7,0	Bảy	
68	Đặng Ngọc Huyền Trang	68	7,0	Bảy	
69	Nguyễn Duy Trường	69	8,0	Tám	
70	Nguyễn Thanh Tú	70	7,5	Bảy rưỡi	
71	Dương Quốc Tuấn	71	7,0	Bảy	
72	Lưu Anh Tùng	72	7,0	Bảy	
73	Dương Quang Tùng	73	7,5	Bảy rưỡi	
74	Hà Thanh Tùng	74	7,5	Bảy rưỡi	
75	Nguyễn Đức Tường	75	7,0	Bảy	
76	Nguyễn Thị Vân	76	7,0	Bảy	
77	Ngô Ngọc Vũ	77	7,0	Bảy	
78	Nguyễn Minh Ý	78	7,5	Bảy rưỡi	
79	Nguyễn Thị Yến	79	7,5	Bảy rưỡi	
80	Dương Minh Quý	80	7,0	Bảy	
81	Phạm Thị Hồng Anh	81	8,0	Tám	Bài 5-K46TT

KHOA XÂY DỰNG ĐẢNG
TRƯỞNG KHOA



Vũ Mạnh Hà

T/L HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG QLĐT&NCKH



Nguyễn Thị Hồng Mây